

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 277/2022/HNGĐ-ST

Ngày 14 - 11 - 2022

V/v Không công nhận vợ chồng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thành Dân

Ông Võ Thanh Liêm

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Đình Chương - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 14 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 550/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022, về việc Không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 303/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bích N; Sinh năm: 1989; Địa chỉ: Ấp T, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau; (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Lý Hoàng B; Sinh năm: 1988; Địa chỉ: Ấp D, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Chị Nguyễn Thị Bích N trình bày tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa như sau:*

- *Về hôn nhân:* Chị và anh Lý Hoàng B tự nguyện chung sống vào năm 2009, nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau và đã ly thân với nhau cách nay khoảng 03 năm. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

- *Về con chung:* Chị và anh B có 01 người con chung tên Lý Ngọc H, sinh ngày 09/12/2009, hiện đang sống cùng chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản:* Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Chị xác định không nợ ai, không ai nợ anh, chị.

*Anh Lý Hoàng B trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

- *Về hôn nhân:* Về thời gian chung sống và không đăng ký kết hôn đúng như chị N trình bày. Trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do không hợp nhau. Chị N yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

- *Về con chung:* Anh và chị N có 01 người con chung tên Lý Ngọc H, sinh ngày 09/12/2009, hiện đang sống cùng chị N. Khi ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị N nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản:* Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Anh xác định không nợ ai, không ai nợ anh, chị.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là về việc không công nhận vợ chồng.

Bị đơn anh Lý Hoàng B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với anh B.

[2] Về hôn nhân: Xét thấy, chị Nguyễn Thị Bích N và anh Lý Hoàng B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn mà không đăng ký kết hôn theo quy định thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Căn cứ vào các Điều 9, 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận chị N và anh B là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị N và anh B có 01 người con chung tên Lý N Hân, sinh ngày 09/12/2009, hiện đang sống cùng chị N. Khi ly hôn, chị N và anh B thống nhất giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, thực tế cháu H cũng đang sống ổn định cùng chị N và có nguyện vọng được sống cùng chị N, được thể hiện tại Biên bản ghi nhận ý kiến con chung ngày 03/11/2022. Vì vậy, để đảm bảo thuận lợi cho việc học tập và sự phát triển toàn diện của con, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cháu H cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị N và anh B thống nhất không đặt ra yêu cầu giải quyết. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật nên không đặt ra xem xét, giải quyết là có căn cứ.

[4] Về tài sản chung: Chị N và anh B xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết là có căn cứ.

[5] Về nợ chung: Chị N và anh B xác định không có, không ai yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết là có căn cứ.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị N phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Bích N và anh Lý Hoàng B là vợ chồng.

Con chung: Giao Lý Ngọc H, sinh ngày 09/12/2009, hiện đang sống cùng chị N cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, không xem xét, giải quyết.

Tài sản chung; Nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị Bích N phải nộp 300.000 đồng. Chị N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002128 ngày 11/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được đối trừ, chuyển thu, nộp Ngân sách Nhà nước.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND Tp Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Ngọc Hân**